



**NGÂN HÀNG CÂU HỎI CHƯƠNG II**  
**ĐA GIÁC – DIỆN TÍCH ĐA GIÁC**  
**MÔN TOÁN 8**

**NHẬN BIẾT**

**Câu 1:** Chọn câu sai

- A. Diện tích hình thang bằng nửa tích của tổng hai đáy với chiều cao
- B. Diện tích hình bình hành bằng tích của một cạnh với chiều cao tương ứng với cạnh đó
- C. Diện tích hình bình hành bằng nửa tích một cạnh với chiều cao tương ứng với cạnh đó**
- D. Diện tích hình thoi bằng nửa tích hai đáy

**Câu 2:** Cho hình thoi ABCD. Chọn câu đúng.

- A.  $S_{ABCD} = \frac{1}{2} AB \cdot AD$
- B.  $S_{ABCD} = AC \cdot AD$
- C.  $S_{ABCD} = AB \cdot AD$
- D.  $S_{ABCD} = \frac{1}{2} AC \cdot BD$**

**Câu 3 :** Chọn câu đúng

- A. Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông**
- B. Diện tích hình chữ nhật bằng nửa tích hai kích thước của nó
- C. Diện tích hình vuông có cạnh a là 2a
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 4:** Đa giác đều là đa giác

- A. Có tất cả các cạnh bằng nhau
- B. Có tất cả các góc bằng nhau
- C. Có tất cả các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau**
- D. Có các cạnh đối bằng nhau

**Câu 5:** Cho tam giác ABC vuông tại A. Chọn câu đúng

- A.  $S_{ABC} = \frac{1}{2} AB \cdot AC$**
- B.  $S_{ABC} = AB \cdot BC$
- C.  $S_{ABC} = AB \cdot AC$
- D.  $S_{ABCD} = \frac{1}{2} AC \cdot BC$

**Câu 6:** Cho hình chữ nhật ABCD. Chọn câu đúng.

- A.  $S_{ABCD} = \frac{1}{2} AB$
- B.  $S_{ABCD} = AD \cdot DC$**



C.  $S_{ABCD} = AB \cdot BD$

D.  $S_{ABCD} = \frac{1}{2} AC$

**Câu 7:** Chọn câu đúng

- A. Lục giác có sáu góc bằng nhau là lục giác đều
- B. Hình thoi là đa giác không đều có các góc bằng nhau
- C. Ngũ giác có năm cạnh bằng nhau được gọi là ngũ giác đều
- D. Hình chữ nhật là đa giác không đều có các góc bằng nhau**

**Câu 8:** Chọn câu sai

- A. Hai tam giác bằng nhau thì có diện tích bằng nhau.
- B. Nếu một đa giác được chia thành những đa giác không có điểm trong chung thì diện tích của nó bằng tổng diện tích của những đa giác đó.
- C. Hình vuông có độ dài cạnh bằng 1 thì có diện tích là 1.
- D. Đa giác đều là đa giác có các cạnh đối bằng nhau**

**Câu 9:** Diện tích ..... bằng bình phương cạnh của nó. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

- A. hình thoi
- B. hình bình hành
- C. hình vuông**
- D. hình chữ nhật

**Câu 10:** Diện tích ..... bằng nửa tích độ dài hai đường chéo. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

- A. hình bình hành
- B. hình thoi**
- C. hình vuông
- D. hình chữ nhật

**Câu 11:** Một đa giác 10 cạnh thì có số đường chéo là:

- A. 35**
- B. 30
- C. 70
- D. 27

**Câu 12:** Cho đa giác 9 cạnh, số đường chéo của đa giác đó là:

- A. 36
- B. 27**
- C. 20
- D. 18

**Câu 13:** Mỗi góc trong của lục giác đều là:

- A.  $120^0$**
- B.  $150^0$

- C.  $90^0$
- D.  $135^0$

**Câu 14:** Tổng số đo các góc của đa giác đều là 7 cạnh là

- A.  $900^0$**
- B.  $540^0$
- C.  $1080^0$
- D.  $108^0$

**Câu 15:** Một đa giác có số đường chéo bằng số cạnh của đa giác thì đa giác có số cạnh là?

- A. 5.**
- B. 6.
- C. 4.
- D. 7.

**Câu 16:** Một đa giác 7 cạnh thì số đường chéo của đa giác đó là ?

- A. 12
- B. 13
- C. 14.**
- D. 15

**Câu 17:** Trong các hình thoi có chu vi bằng nhau, hình nào có diện tích lớn nhất?

- A. Hình vuông**
- B. Hình bình hành
- C. Hình chữ nhật
- D. Hình thoi bất kỳ

**Câu 18:** Trong các hình: Hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông, tam giác cân, tam giác đều, có bao nhiêu hình là đa giác đều.

- A. 1
- B. 2**
- C. 4
- D. 5

**Câu 19:** Cho ABCDEF là hình lục giác đều. Chọn câu sai

- A. ABCDEF có một tâm đối xứng
- B. Mỗi góc trong của nó là  $120^0$
- C. Tổng các góc trong của nó là  $720^0$
- D. Mỗi góc trong của nó là  $150^0$**

**Câu 20:** Tổng số đường chéo của lục giác đều là

- A. 7
- B. 8
- C. 9**
- D. 10

**THÔNG HIỂU**

**Câu 21:** Cho hình bình hành ABCD ( $AB \parallel CD$ ) đường cao  $AH = 6$  cm,  $CD = 12$  cm. Diện tích hình bình hành ABCD là

- A.  $72 \text{ cm}^2$
- B.  $48 \text{ cm}^2$
- C.  $36 \text{ cm}^2$**
- D.  $30 \text{ cm}^2$

**Câu 22:** Cho hình thang ABCD ( $AB \parallel CD$ ), đường cao  $AH = 9$ cm,  $AB = 4$  cm,  $CD = 8$  cm. Diện tích hình thang ABCD là:

- A.  $64 \text{ cm}^2$
- B.  $48 \text{ cm}^2$
- C.  $36 \text{ cm}^2$
- D.  $54 \text{ cm}^2$**

**Câu 22:** Diện tích hình chữ nhật thay đổi như thế nào nếu chiều rộng tăng 4 lần, chiều dài giảm 2 lần ?

- A. Diện tích không đổi.
- B. Diện tích giảm 2 lần.
- C. Diện tích tăng 2 lần.**
- D. Cả đáp án A, B, C đều sai.

**Câu 23:** Một hình chữ nhật có diện tích là  $24 \text{ cm}^2$ , chiều dài là 8cm. Chu vi hình chữ nhật đó là

- A. 11 cm
- B. 20 cm.
- C. 22 cm.**
- D. 16 cm.

**Câu 24:** Một hình thang có đáy nhỏ là 9 cm , chiều cao là 4 cm, diện tích là  $50 \text{ cm}^2$ . Đáy lớn là:

- A. 25 cm
- B. 18 cm
- C. 16 cm**
- D. 15 cm

**Câu 25:** Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 15 cm và 20 cm. Tính độ dài đường cao của hình thoi.

- A. 12 cm**
- B. 7,5 cm
- C. 15 cm
- D. 24 cm

**Câu 26:** Cho tam giác ABC có diện tích  $16 \text{ cm}^2$ , biết  $BC = 8$  cm. Đường cao ứng với cạnh BC là



- A. 5 cm
- B. 8 cm
- C. 6 cm
- D. 4 cm**

**Câu 27:** Cho tam giác ABC có đường cao AH = 9 cm, BC = 12 cm. Diện tích tam giác ABC là

- A.  $72 \text{ cm}^2$
- B.  $54 \text{ cm}^2$**
- C.  $36 \text{ cm}^2$
- D.  $64 \text{ cm}^2$

**Câu 28:** Cho hình bình hành ABCD có CD = 4cm, đường cao vẽ từ A đến cạnh CD bằng 3cm. Gọi M là trung điểm của AB. DM cắt AC tại N. Tính diện tích tam giác AMN

- A.  $4 \text{ cm}^2$
- B.  $10 \text{ cm}^2$
- C.  $2 \text{ cm}^2$
- D.  $1 \text{ cm}^2$**

**Câu 29:** Cho hình thoi MNPQ. Biết A, B, C, D lần lượt là các trung điểm của các cạnh NM, NP, PQ, QM. Tính tỉ số diện tích của tứ giác ABCD và hình thoi MNPQ.

- A. 12**
- B. 23
- C. 2
- D. 13

**Câu 30:** Cho tam giác ABC, AM là đường trung tuyến. Biết diện tích của  $\Delta ABC$  bằng  $40 \text{ cm}^2$ . Diện tích của tam giác AMC là:

- A.  $S_{AMC} = 80 \text{ cm}^2$
- B.  $S_{AMC} = 120 \text{ cm}^2$
- C.  $S_{AMC} = 20 \text{ cm}^2$**
- D.  $S_{AMC} = 40 \text{ cm}^2$

**Câu 31:** Cho tam giác ABC,  $\hat{A} = 90^\circ$ , AB = 6cm, AC = 8cm. Hạ AH  $\perp$  BC, qua H kẻ HE  $\perp$  AB, HF  $\perp$  AC với E  $\in$  AB; F  $\in$  AC. Tính BC, EF

- A. BC = 10cm; EF = 4, 8cm**
- B. BC = 10cm; EF = 2, 4cm
- C. BC = 5cm; EF = 4, 8cm
- D. BC = 12cm; EF = 5, 4cm

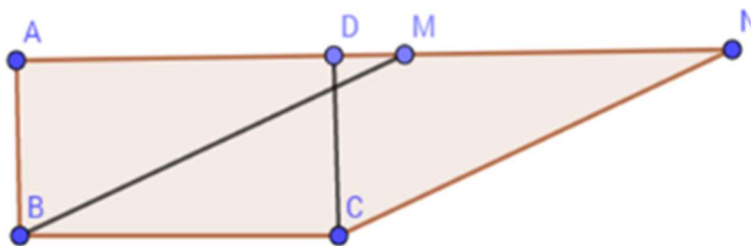
**Câu 32:** Tam giác ABC có hai trung tuyến AM và BN vuông góc với nhau. Hãy tính diện tích tam giác đó theo hai cạnh AM và BN

- A.  $S_{ABC} = AM \cdot BN$



- B.  $S_{ABC} = \frac{3}{2} AM \cdot BN$
- C.  $S_{ABC} = \frac{1}{2} AM \cdot BN$
- D.  $S_{ABC} = \frac{2}{3} AM \cdot BN$**

**Câu 33:** Cho hình vẽ dưới đây với ABCD là hình chữ nhật, MNCB là hình bình hành. Chọn khẳng định đúng.



- A.  $S_{ABCD} < S_{BCNM}$
- B.  $S_{ABCD} > S_{BCNM}$
- C.  $S_{ABCD} = S_{BCNM}$**
- D.  $S_{ABCD} < S_{BCNM}$

**Câu 34 :** Cho hình vuông ABCD có cạnh 10m. Hãy xác định điểm E trên cạnh AB sao cho diện tích hình thang vuông BCDE bằng 45 diện tích hình vuông ABCD.

- A. Điểm E ở trên cạnh AB sao cho BE = 4 m .
- B. Điểm E ở trên cạnh AB sao cho BE = 6 m**
- C. Điểm E ở trên cạnh AB sao cho BE = 5 m .
- D. Điểm E là trung điểm của AB .

**Câu 35 :** Một căn phòng hình vuông được lát gạch men hình vuông cùng cỡ, vừa hết 729 viên (không viên nào bị xén). Gạch gồm hai loại men trắng và men xanh, loại men trắng nằm trên hai đường chéo nền nhà, còn lại là men xanh. Khi đó số gạch mỗi loại là:

- A. Men trắng có 53 viên, men xanh có 676 viên**
- B. Men trắng có 52 viên, men xanh có 677 viên
- C. Men trắng có 54 viên, men xanh có 675 viên
- D. Men trắng có 55 viên, men xanh có 674 viên

**Câu 36:** Cho tứ giác ABCD có đường chéo AC vuông góc với BD, diện tích của ABCD là 25 cm<sup>2</sup>; BD = 5cm. Độ dài đường chéo AC là:

- A. 10 cm**
- B. 5 cm
- C. 15 cm
- D. 12, 5 cm



**VẬN DỤNG**

**Câu 37:** Một đa giác đều có tổng số đo tất cả các góc ngoài và một góc trong của đa giác là  $468^\circ$ .  
Hỏi đa giác đều đó có mấy cạnh?

- A. 5**
- B. 7
- C. 6
- D. 3

**Câu 38:** Một đa giác đều có tổng số đo tất cả các góc ngoài và một góc trong của đa giác là  $480^\circ$ .  
Hỏi đa giác đều đó có mấy cạnh?

- A. 3
- B. 5
- C. 4
- D. 6**

**Câu 39:** Cho tam giác ABC, lấy M thuộc BC sao cho  $BM = 3CM$ . Hãy chọn câu sai:

- A.  $S_{ABM} = \frac{3}{4}S_{ABC}$
- B.  $S_{ABM} = 3S_{AMC}$
- C.  $S_{AMC} = \frac{1}{3}S_{ABC}$**
- D.  $S_{ABC} = 4S_{AMC}$

**Câu 40:** Số đo mỗi góc trong và ngoài của ngũ giác đều là:

- A.  $75^\circ$ ;  $150^\circ$
- B.  $108^\circ$ ;  $72^\circ$**
- C.  $100^\circ$ ;  $80^\circ$
- D.  $110^\circ$ ;  $70^\circ$